TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-ST
Ngày: 08/12/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (địa chỉ: 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2020/QĐST-DS, ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T; địa chỉ: 266-268 đường N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạnh D; chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Anh P; chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh Thừa Thiên H (Theo Giấy ủy quyền số: 2101/2020/GUQ-PL ngày 14/7/2020 của Tổng giám đốc).

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng H, chức vụ: Kiểm soát viên Quản lý tín dụng Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T - Chi nhánh Thừa Thiên H; địa chỉ: Số 126 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo Giấy ủy quyền số: 386/2020/GUQ-CNTTH ngày 14/7/2020 của Phó giám đốc). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 11B đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H trình bày: Ngày 30/9/2016, bà Nguyễn Thị N có ký với Ngân hàng Thương mại cổ

phần Sài Gòn T (Sacombank) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 55.850.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.814.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/8/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, yêu cầu bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Theo quy định của Ngân hàng:

Kỳ sao kê được tính từ ngày 31 tháng này đến 31 tháng sau, hàng tháng Ngân hàng sẽ gửi sao kê này về cho khách hàng theo địa chỉ do khách hàng cung cấp, trên đó có dư nợ đầu kỳ, cuối kỳ, các khoản phát sinh trong kỳ và thông báo cho khách hàng số tiền thanh toán tối thiểu.

* Số tiền thanh toán tối thiểu: Là số tiền tối thiểu được ghi trên thông báo giao dịch hàng tháng mà khách hàng phải thanh toán.

* Cách tính: Số tiền thanh toán tối thiểu = (Dư nợ không bao gồm số tiền vượt hạn mức x tỷ lệ %) + số tiền thanh toán tối thiểu tháng trước (nếu có) + số tiền vượt hạn mức (nếu có);

Tỷ lệ cụ thể là 5%, tối thiểu 100.000đ.

* Phí chậm thanh toán: Phát sinh 1 lần trong 1 kỳ thông báo giao dịch nếu khách hàng không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn.

* Cách tính: Phí chậm thanh toán = Số tiền thanh toán tối thiểu x tỷ lệ %;

Tỷ lệ cụ thể là 6% trên số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 80.000đ.

Tổng số tiền chậm thanh toán của bà Nguyễn Thị Nho là: 1.603.657 đồng.

* Phí vượt hạn mức: phát sinh khi dư nợ vượt hạn mức tín dụng được cấp.

Cách tính: Phí vượt hạn mức = Số tiền vượt x tỷ lệ % x số ngày vượt;

Tỷ lệ cụ thể là 0.075%/ngày tối thiểu 50.000đ.

Tổng số tiền vượt hạn mức của bà Nguyễn Thị Nho là: 353.950 đồng.

* Dư nợ gốc: Là tất cả các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch gồm: Giao dịch rút tiền mặt, giao dịch tương đương rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa, phí, và những khoản nợ khác trên tài khoản theo Điều 1.9 tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

* Cách tính: Dư nợ cuối kỳ = Dư nợ đầu kỳ + Số tiền giao dịch + Phí + Lãi – Số tiền thanh toán.

* Nguyên tắc tính lãi:

* Lãi trong hạn: Sacombank đã tính khoản nợ lãi trong hạn đối với bà Nguyễn Thị N từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/7/2018 theo Điều 1.31 tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Lãi suất sẽ được tính lãi từ ngày phát sinh giao dịch cho đến ngày khách hàng thực hiện thanh toán đầy đủ toàn bộ số tiền. Lãi suất được công bố trên Trang Website Sacombank.com.vn và tại các điểm giao dịch của Sacombank.

Cách tính: Tiền lãi = Số tiền phát sinh x Lãi suất tháng /30 x số ngày phát sinh.

* Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lãi quá hạn áp dụng cho bà Nguyễn Thị N được tính từ ngày 01/8/2019 là ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn đến thời điểm bà Nguyễn Thị N trả hết toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng. Cụ thể là: 2.5% x 150% = 3.75%/ tháng.

* Cách tính: Tiền lãi quá hạn = Dư nợ gốc x lãi suất quá hạn/30 x số ngày quá hạn.

Tính đến ngày 08/12/2020 bà Nguyễn Thị N còn nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc và lãi là: 38.488.598 đồng (trong đó nợ gốc 23.220.922 đồng, nợ lãi quá hạn 15.267.676 đồng).

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/12/2020 là 38.488.598 đồng (trong đó nợ gốc 23.220.922 đồng, nợ lãi quá hạn15.267.676 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/12/2020 cho đến khi bà Nguyễn Thị N trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 03/4/2020, Toà án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 62/2020/TB-TLVA và đã niêm yết thông báo thụ lý và Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải kể cả Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để bà Nguyễn Thị N là bị đơn trong vụ án đến Toà án để làm việc, tham gia tố tụng, nhưng bà Nguyễn Thị N cũng không đến Toà án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên toà hôm nay, bà Nguyễn Thị N vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn nhưng bà Nguyễn Thị N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được

Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiên hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 262, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 280, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/12/2020 là 38.488.598 đồng (Trong đó nợ gốc 23.220.922 đồng, nợ lãi quá hạn 15.267.676 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/12/2020) bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bà Nguyễn Thị N thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí 721.000đồng (Bảy trăm hai mươi mốt nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 009706, ngày 27/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T, thấy rằng: Ngày 30/9/2016, bà Nguyễn Thị N có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (Sacombank) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà Nguyễn Thị N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Nho đã thực hiện các giao dịch đến ngày 31/3/2019 với tổng số tiền 55.850.000 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, yêu cầu bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

Các giao dịch của bà Nguyễn Thị N được thể hiện như sau: Từ ngày 31/10/2016 đến ngày 31/3/2019 bà Nguyễn Thị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 55.850.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ tính đến ngày 31/3/2019 bà Nguyễn Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.814.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/8/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Như vậy, tính từ ngày 30/9/2016 đến ngày 08/12/2020 bà Nguyễn Thị N còn nợ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền nợ gốc 23.220.922 đồng, nợ lãi quá hạn 15.267.676 đồng (3.75%/tháng). Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là: 38.488.598 đồng.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T toàn bộ số nợ gốc 23.220.922 đồng, nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm 08/12/2019 là: 15.267.676 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là: 38.488.598 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn năm trăm chín mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/12/2020 cho đến khi bà Nguyễn Thị N trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết là có căn cứ đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 38. 488.598 đồng x 5% = 1.924.430 đồng (Một triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 721.000 đồng (Bảy trăm hai mươi mốt nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 009706, ngày 27/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T toàn bộ số nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/12/2020 là 38.488.598 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn năm trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/12/2020) bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán,

theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bà Nguyễn Thị Nho thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.924.430 đồng (Một triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí 721.000đồng (Bảy trăm hai mươi mốt nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 009706, ngày 27/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Huỳnh Trọng Cẩn